

Số: 01/2025/QĐST-DS

Lào Cai, ngày 08 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 275; Điều 280; Điều 357, Điều 468, Điều 562, Điều 565, Điều 568 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1944. Số thẻ CCCD: 015144000242, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01-5-2021.

Địa chỉ: TDP P, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố P, phường Y, tỉnh Lào Cai).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà N gồm: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1995 và ông Tạ Văn T, sinh năm 1980. Là các luật sư thuộc Công ty L1. Địa chỉ: Tầng A, số B, ngõ B, phố T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (nay là Tầng A, số B, ngõ B, phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội).

- Bị đơn: Ông Vũ Việt T1, sinh năm 1991. Số thẻ CCCD: 015091013387, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/3/2025.

Địa chỉ: Tổ G, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ G Đ, phường Y, tỉnh Lào Cai).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị H, sinh năm 1980. Số thẻ CCCD: 015180009659, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08-8-2022.

Địa chỉ: Tổ F, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ F N, phường Y, tỉnh Lào Cai).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả tiền: Bà N có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền 25.000.000 đồng; chị H có nghĩa vụ trả cho ông T1 tổng số tiền là 463.000.000 đồng. Tổng số tiền bà N và chị H phải trả cho ông T1 là 488.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 540.000.000 đồng mà ông T1 phải trả cho bà N, số tiền còn lại ông T1 phải trả cho bà N là 52.000.000 đồng.

Ông Vũ Việt T1 nhất trí trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 52.000.000 đồng phát sinh trên cơ sở Hợp đồng ủy quyền số 5879, quyền số 10/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/10/2023 giữa bên ủy quyền là bà Nguyễn Thị N và bên được ủy quyền là ông Vũ Việt T1 do Văn phòng C xác lập.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Vũ Việt T1 chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí đối với yêu cầu phản tố của ông T1).

- Ông Vũ Việt T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền ông đã nộp là 11.260.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0002390 ngày 20/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Lào Cai), ông T1 được trả lại số tiền là 9.960.000 đồng và số tiền 625.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0002389 ngày 20/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Lào Cai). Ông T1 được trả lại tổng số tiền là 10.585.000 đồng.

- Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của ông T1 được chấp nhận, số tiền là 11.260.000 đồng (chị H chưa nộp).

2.3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

2.4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1 - Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; TA.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy